

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Đại học CNTT K38 (Năm 1) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HỌC KỲ 1 (CTK38)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML1101	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2	0	2				Khoa LLCT
2	TC1101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	1				Khoa GDTC
3	TH1105	Tin học cơ sở	3	2	1	3		30%	Thi máy	Phan Thị Thanh Nga
4	TN1110	Toán cao cấp B1	5	5	0	5		30%	Tự luận	Khoa Toán-Tin học
5	VL1114	Vật lý đại cương D	4	3	1	4		30%	Tự luận	Khoa Vật lý
Tổng Cộng			15/15	12	3	15				

HỌC KỲ 2 (CTK38)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML1102	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3	0	3				Khoa LLCT
2	TC1102	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông	1	0	1	1				Khoa GDTC
3	TC1103	Giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn								
4	TC1104	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá								
5	TC1105	Giáo dục thể chất 2 - Bóng ném								
6	TC1106	Giáo dục thể chất 2 - Võ Taekwondo								
7	NN1278	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	3	3	0	3				Khoa Ngoại ngữ
8	TN1111	Toán cao cấp B2	3	3	0	3				Khoa Toán-Tin học
9	TN1115	Xác suất- Thống kê	3	3	0	3				Khoa Toán-Tin học
10	CT2103	Lập trình cấu trúc với C/C++	5	3	2	5				Trần Tuấn Minh
11	CT2106	Kiến trúc và tổ chức máy tính	4	3	1	4				Phan Văn Nghĩa
Tổng Cộng			22/22	18	8	22				

Sinh viên phải chọn 1 học phần giáo dục thể chất để học.



HIỆU TRƯỞNG

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014

TRƯỞNG KHOA CNTT

PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

TS. Lê Hồng Phong

ThS. Trần Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Đại học CNTT K37 (Năm 2) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HOC KỲ 1 (CTK37)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML2101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2				Khoa LLCT
2	TC1107	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	1				Khoa GDTC
3	NN1279	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh)	2	2	0	2				Khoa Ngoại ngữ
4	CT2104	Toán rời rạc	4	4	0	4		30%	Tự luận	Khoa Toán-Tin học
5	CT2105	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải 1	4	2	2	4		40%	Thi máy	Trần Tuấn Minh
6	CT2108	Mạng máy tính	4	3	1	4		40%	Tự luận	Phan Thị Thanh Nga
Tổng Cộng			17/17	13	4	17				

HOC KỲ 2 (CTK37)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML2102	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0	3				Khoa LLCT
2	QP1201	Giáo dục quốc phòng 1	3	3	0	3				Học Viện Lục Quân
3	QP1202	Giáo dục quốc phòng 2	2	2	0	2				
4	QP1203	Giáo dục quốc phòng 3	3	0	3	3				
5	NN1280	Ngoại ngữ 3 (Tiếng Anh)	2	2	0	2				Khoa Ngoại ngữ
6	CT2107	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải 2	4	3	1	4		40%	Thi máy	Nguyễn Thị Thanh Bình
7	CT2109	Lập trình hướng đối tượng	4	2	2	4		40%	Thi máy	Nguyễn Văn Phúc
Tổng Cộng			21/21	15	6	21				

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014



PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TS. Lê Hồng Phong

TRƯỞNG KHOA CNTT

ThS. Trần Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Đại học CNTT K36 (Năm 3) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HOC KỲ 1 (CTK36)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML2102	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0	3				Khoa LLCT
2	NN1280	Ngoại ngữ 3 (Tiếng Anh)	2	2	0	2				Khoa Ngoại ngữ
3	CT2110	Công cụ và môi trường lập trình 1	3	2	1	3		30%	Thi máy	Nguyễn Thị Lương
4	CT2111	Cơ sở dữ liệu	4	3	1	4		40%	Tự luận	Nguyễn Thị T. Bình
5	CT2115	Đồ họa máy tính	4	3	1	4		40%	Tự luận	Thái Duy Quý
6	CT2116	Lập trình web	4	2	2	4		40%	Thi máy	Nguyễn Minh Hiệp
Tổng Cộng			20/20	15	5	20				

HOC KỲ 2 (CTK36)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	CT2113	Công nghệ phần mềm	4	2	2	4		40%	Vấn đáp	Lê Văn Linh Thái Duy Quý
2	CT2119	Trí tuệ nhân tạo	4	3	1	4		30%	Tự luận	Khoa Toán-Tin học
3	CT2112	Hệ điều hành	4	3	1	4		40%	Tự luận	Đặng Thanh Hải
4	CT2126	Lập trình cơ sở dữ liệu	3	2	1		3	40%	Thi máy	Nguyễn Thị H. Trang
5	CT2124	Chuyên đề cơ sở 1	3	2	1		3	30%	Thi máy	Thái Duy Quý
6	CT2120	Lập trình mạng	3	2	1		3	30%	Thi máy	Phạm Duy Lộc
7	CT2121	Phát triển ứng dụng web với .NET	3	2	1		3	30%	Vấn đáp	Tạ Hoàng Thắng
8	CT2122	Phát triển ứng dụng web với PHP	3	2	1		3	30%	Vấn đáp	Nguyễn Minh Hiệp
Tổng Cộng			18/27	18	9	12	6/15			

Sinh viên phải chọn 6 TC tự chọn trong 15 TC tự chọn đã nêu

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA CNTT



PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

TS. Lê Hồng Phong

ThS. Trần Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Đại học CNTT K35 (Năm 4) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HOC KỲ 1 (CTK35)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	CT2114	Phân tích và thiết kế HĐT	4	2	2	4		40%	Vấn đáp	Nguyễn Văn Phúc
2	CT2117	Tham quan thực tế	1	0	1	1			B Cáo	
3	CT2118	Đồ án	3	0	3		3		B Cáo	
4	CT2127	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	2	1		3	40%	Tự luận	Nguyễn Thị Thanh Bình
5	CT2123	Cộng cụ và môi trường LT 2	3	2	1		3	40%	Thi máy	Thái Duy Quý
6	CT2125	Chuyên đề cơ sở 2	3	2	1		3	30%	Thi máy	Trần Thống
7	CT2132	Lý thuyết đồ thị	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Trần Tuấn Minh
8	CT2128	Bảo trì máy tính	3	2	1		3	30%	Thi máy	Choi Hong Kyu Phạm Duy Lộc
Tổng Cộng			11/23	12	11	5	6/18			

Sinh viên phải chọn 6 TC tự chọn trong 18 TC tự chọn đã nêu

HOC KỲ 2 (CTK35)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
A. Ngành mạng và truyền thông										
1	CT2201	Thiết kế mạng LAN	3	2	1		3	30%	Thi máy	Vũ Minh Quan Trần Thống
2	CT2202	Quản trị mạng	4	2	2		4	40%	Tự luận	Lê Gia Công
3	CT2203	Hệ điều hành mã nguồn mở	3	2	1		3	30%	Tự luận	Phạm Duy Lộc
4	CT2204	Bảo mật mạng	3	2	1		3	30%	Tự luận	Phan Thị Thanh Nga
5	CT2205	Hạ tầng & các DV Internet	3	2	1		3	30%	Thi máy	Trần Thống
6	CT2207	Mạng không dây	3	2	1		3	30%	Thi máy	Lê Gia Công
7	CT2208	Chuyên đề 1	3	2	1		3	30%	Tự luận	Phạm Duy Lộc Đoàn Minh Khuê
8	CT2209	Chuyên đề 2	3	2	1		3	30%	Tự luận	Trần Thống
Tổng Cộng			15/25	16	9	0	15/25			

Sinh viên phải chọn 15 TC tự chọn trong 25 TC tự chọn đã nêu

B. Ngành kỹ thuật phần mềm

1	CT2301	Lập trình web nâng cao	4	2	2		4	40%	Thi máy	Nguyễn Văn Phúc
2	CT2302	Quản trị dự án CNTT	2	2	0		2		Tự luận	Tạ Hoàng Thắng
3	CT2304	Thiết kế mẫu	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Nguyễn Minh Hiệp
4	CT2305	XML	3	2	1		3	30%	Thi máy	Nguyễn Thị Thanh Bình Nguyễn Thị Huyền Trang
5	CT2306	Phát triển mã nguồn mở	3	2	1		3	30%	Tự luận	Lê Văn Linh Tạ Hoàng Thắng
6	CT2307	Hệ quản trị nội dung	3	2	1		3	30%	Vấn đáp	Đỗ Ngọc Cường Nguyễn Thị Huyền Trang
7	CT2309	Chuyên đề 1	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Trần Tuấn Minh
8	CT2310	Chuyên đề 2	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Thái Duy Quý

lme

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
9	CT2311	Trình biên dịch	3	3	0		3	30%	Tự luận	Mời giảng
10	CT1312	Kiểm thử phần mềm	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Nguyễn Thị Huyền Trang
Tổng Cộng			15/30	21	9	0	15/30			
Sinh viên phải chọn 15 TC tự chọn trong 24 TC tự chọn đã nêu										

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA CNTT



PGS.TS *Nguyễn Đức Hòa*

mh

TS. Lê Hồng Phong

Minh

ThS. Trần Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Đại học CNTT K34 (Năm 5) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HOC KỲ 1 (CTK34)

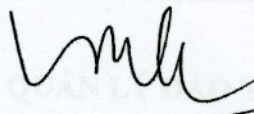
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
A. Ngành Mạng và truyền thông										
Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp										
1	CT2130	Thực tập nghề nghiệp	4		4	4			B Cáo	Khoa CNTT
2	CT2199	Khóa luận tốt nghiệp	10		10		10		B Cáo	Khoa CNTT
Tổng Cộng			14/14	0	14	4	10			
Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp										
1	CT2130	Thực tập nghề nghiệp	4		4	4			B Cáo	Khoa CNTT
2	CT2198	Đồ án chuyên ngành	5		5		5		B Cáo	Khoa CNTT
3	CT2191	Chuyên đề Mạng và truyền thông	5	5			5	40%	Thi máy	Đặng Thanh Hải Trần Thống
Tổng Cộng			14/14	5	9	4	10			
B. Ngành Kỹ thuật phần mềm										
Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp										
1	CT2130	Thực tập nghề nghiệp	4		4	4			B Cáo	Khoa CNTT
2	CT2199	Khóa luận tốt nghiệp	10		10		10		B Cáo	Khoa CNTT
Tổng Cộng			14/14	0	14	4	10			
Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp										
1	CT2130	Thực tập nghề nghiệp	4		4	4			B Cáo	Khoa CNTT
2	CT2198	Đồ án chuyên ngành	5		5		5		B Cáo	Khoa CNTT
3	CT2192	Chuyên đề Kỹ thuật phần mềm	5	5			5	40%	Vấn đáp	Nguyễn Minh Hiệp Nguyễn Thị M. Huyền
Tổng Cộng			14/14	5	9	4	10			

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014



PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO


TS. Lê Hồng Phong

TRƯỞNG KHOA CNTT


ThS. Trần Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Cao Đẳng CNTT K38 (Năm 1) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HOC KỲ 1 (CTK38CD)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML0101	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2	0	2				Khoa LLCT
2	TC0101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	1				Khoa GDTC
3	TH0105	Tin học cơ sở	3	2	1	3		30%	Thi máy	Phạm Duy Lộc
4	TN0010	Toán cao cấp B1	5	5	0	5		30%	Tự luận	Khoa Toán-Tin học
5	CT0004	Toán rời rạc	4	4	0	4		30%	Tự luận	Khoa Toán-Tin học
Tổng Cộng			15/15	13	2	15				

HOC KỲ 2 (CTK38CD)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML0102	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3	0	3				Khoa LLCT
2	NN0278	Tiếng Anh 1	3	3	0	3				Khoa Ngoại ngữ
3	TC0102	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông	1	0	1	1				Khoa GDTC
4	TC0103	Giáo dục thể chất 2 – Bóng bàn								
5	TC0104	Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá								
6	TC0105	Giáo dục thể chất 2 – Bóng ném								
7	TC0106	Giáo dục thể chất 2 – Võ Taekwondo								
8	VL0113	Vật lý đại cương D	4	3	1	4		30%	Tự luận	Khoa Vật lý
9	CT0003	Lập trình cấu trúc với C/C++	5	3	2	5		40%	Thi máy	Nguyễn Văn Phúc
10	CT0006	Kiến trúc và tổ chức máy tính	4	3	1	4		40%	Thi máy	Nguyễn Thanh Bình
11	CT0036	Bảo trì máy tính	3	1	2	3		40%	Thi máy	Choi Hong Kyu Phạm Duy Lộc
Tổng Cộng			23/23	16	7	23				

Sinh viên phải chọn 1 học phần giáo dục thể chất để học.

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TS. Lê Hồng Phụng

TRƯỞNG KHOA CNTT

ThS. Trần Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Cao Đẳng CNTT K37 (Năm 2) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HOC KỲ 1 (CTK37CD)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT Thi	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML0201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2				Khoa LLCT
2	NN0279	Tiếng Anh 2	2	2	0	2				Khoa Ngoại ngữ
3	CT0005	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải 1	4	2	2	4		40%	Thi máy	Trần Tuấn Minh
4	CT0016	Lập trình Web	4	2	2	4		40%	Thi máy	Nguyễn Minh Hiệp
5	CT0008	Mạng máy tính	4	3	1	4		40%	Tự luận	Phan Thị Thanh Nga
6	CT0009	Lập trình hướng đối tượng	4	2	2	4		40%	Thi máy	Nguyễn Văn Phúc
7	VL0113	Vật lý đại cương D	4	3	1	4		30%	Tự luận	Khoa Vật lý
Tổng Cộng			24/24	16	8	24				

HOC KỲ 2 (CTK37CD)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT Thi	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML0202	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0	3				Khoa LLCT
2	NN0280	Tiếng Anh 3	2	2	0	2				Khoa Ngoại ngữ
3	QP0201	Giáo dục quốc phòng 1	3	3	0	3				Học Viện Lục Quân
4	QP0202	Giáo dục quốc phòng 2	2	2	0	2				
5	QP0203	Giáo dục quốc phòng 3	3	0	3	3				
6	CT0011	Cơ sở dữ liệu	4	3	1	4		40%	Tự luận	Nguyễn Thị T. Bình
7	CT0012	Hệ điều hành	4	3	1	4		40%	Tự luận	Lê Gia Công
8	CT0010	Công cụ và môi trường lập trình 1	3	2	1		3	30%	Thi máy	Nguyễn Thị Lương
9	CT0024	Chuyên đề 1	3	2	1		3	30%	Thi máy	Phan Thị Thanh Nga Nguyễn Thanh Bình
10	TN0011	Toán cao cấp B2	3	3	0		3	30%	Tự luận	Khoa Toán-Tin học
Tổng Cộng			24/30	23	7	21	3/9			

Sinh viên phải chọn 3 TC tự chọn trong 9 TC tự chọn đã nêu

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014



PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TS. Lê Hồng Phong

TRƯỞNG KHOA CNTT

ThS. Trần Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Cao Đẳng CNTT K36 (Năm 3) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HOC KỲ 1 (CTK36CD)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT Thi	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	ML0202	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0	3				Khoa LLCT
2	NN0280	Tiếng Anh 3	2	2	0	2				Khoa Ngoại ngữ
3	CT0017	Hạ tầng và các dịch vụ Internet	3	2	1	3		30%	Thi máy	Trần Thống
4	CT0014	Quản trị mạng	4	2	2	4		40%	Tự luận	Lê Gia Công
5	CT0021	Phát triển ứng dụng web với .NET	3	2	1		3	30%	Thi máy	Lê Văn Linh
6	CT0007	Lập trình cơ sở dữ liệu	3	2	1		3	40%	Thi máy	Nguyễn Thị H. Trang
7	CT0023	Bảo trì máy tính	2	1	1		2		Thi máy	Vũ Minh Quan Đoàn Minh Khuê
8	CT0025	Chuyên đề 2	2	1	1		2		Thi máy	Phan Thị Thanh Nga
Tổng Cộng			20/22	15	7	12	8/10			

Sinh viên phải chọn 8 TC tự chọn trong 10 TC tự chọn đã nêu

HOC KỲ 2 (CTK36CD)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT Thi	TÊN GIẢNG VIÊN
				LT	TH	BB	TC			
1	CT0030	Thực tập nghề nghiệp	3	0	3	3				Khoa CNTT
2	CT0013	Thiết kế mạng LAN	3	2	1	3		30%	Thi máy	Vũ Minh Quan Trần Thống
3	CT0022	Phát triển ứng dụng web với PHP	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Nguyễn Minh Hiệp
4	CT0018	Đồ án	3	0	3		3		B Cáo	Khoa CNTT
5	TN0015	Xác suất thống kê	3	3	0		3	30%	Tự luận	Khoa Toán-Tin học
Tổng Cộng			9/15	7	8	6	3/9			

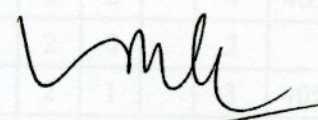
Sinh viên phải chọn 3 TC tự chọn trong 9 TC tự chọn đã nêu

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO


TS. Lê Hồng Phong

TRƯỞNG KHOA CNTT


ThS. Trần Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Đại học CNTT K38LT (Năm 1) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HOC KỲ 1 (CTK38LT)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	HỌC GHÉP	
				LT	TH	BB	TC				HK	LỚP
1	TC1107	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	1				Khoa GDTC	1	CTK37
2	CT2114	Phân tích & thiết kế HĐT	4	2	2	4		40%	Vấn đáp	Nguyễn Văn Phúc	1	CTK35
3	CT2115	Đồ họa máy tính	4	3	1	4		40%	Tự luận	Thái Duy Quý	1	CTK36
4	CT2127	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	2	1		3	40%	Tự luận	Nguyễn Thị T. Bình	1	CTK35
5	CT2123	Công cụ & MTLT 2	3	2	1		3	40%	Thi máy	Thái Duy Quý	1	CTK35
6	CT2133	Chuyên đề cơ sở 3	3	2	1		3	30%	Tự luận	Trần Tuấn Minh	1	CTK35
Tổng Cộng			12/18	11	7	9	3/9					

Sinh viên phải chọn 3 trong 9 tín chỉ đã nêu

HOC KỲ 2 (CTK38LT)

STT	Mã HP	Tên Học Phần	Số TC	Tín Chỉ		Tín Chỉ		% KT	HT Thi	Tên Giảng Viên	Học Ghép	
				LT	TH	BB	TC				HK	Lớp
Học phần chung												
1	CT2119	Trí tuệ nhân tạo	4	3	1	4		30%	Tự luận	Khoa Toán-Tin học	2	CTK36
2	CT2107	Cấu trúc DL & TG 2	4	3	1	4		40%	Tự luận	Nguyễn Thị T. Bình	2	CTK37
3	QP1203	Giáo dục quốc phòng 3	3	0	3	3				Học Viện Lục Quân	2	CTK37
Tổng Cộng			11/11	6	5	11	0					

A. Ngành mạng và truyền thông

1	CT2201	Thiết kế mạng LAN	3	2	1		3	30%	Thi máy	Vũ Minh Quan Trần Thống	2	CTK35
2	CT2202	Quản trị mạng	4	2	2		4	40%	Tự luận	Lê Gia Công	2	CTK35
3	CT2203	Hệ điều hành MNM	3	2	1		3	30%	Tự luận	Phạm Duy Lộc	2	CTK35
4	CT2204	Bảo mật mạng	3	2	1		3	30%	Tự luận	Phan Thị Thanh Nga	2	CTK35
5	CT2205	HT & các DV Internet	3	2	1		3	30%	Thi máy	Trần Thống	2	CTK35
6	CT2207	Mạng không dây	3	2	1		3	30%	Thi máy	Lê Gia Công	2	CTK35
7	CT2208	Chuyên đề 1	3	2	1		3	30%	Tự luận	Phạm Duy Lộc	2	CTK35
8	CT2209	Chuyên đề 2	3	2	1		3	30%	Tự luận	Trần Thống	2	CTK35
Tổng Cộng			15/25	16	9	0	15/25					

Sinh viên phải chọn 15TC tự chọn trong 25 TC tự chọn đã nêu

B. Ngành kỹ thuật phần mềm

1	CT2301	Lập trình web nâng cao	4	2	2		4	40%	Thi máy	Nguyễn Văn Phúc	2	CTK35
2	CT2302	Quản trị dự án CNTT	2	2	0		2		Tự luận	Tạ Hoàng Thắng	2	CTK35
3	CT2304	Thiết kế mẫu	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Nguyễn Minh Hiệp	2	CTK35
4	CT2305	XML	3	2	1		3	30%	Thi máy	Nguyễn Thị T. Bình Nguyễn Thị H. Trang	2	CTK35

Ước

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	HỌC GHÉP	
				LT	TH	BB	TC				HK	LỚP
5	CT2306	Phát triển mã nguồn mở	3	2	1		3	30%	Tự luận	Lê Văn Linh Tạ Hoàng Thắng	2	CTK35
6	CT2307	Hệ quản trị nội dung	3	2	1		3	30%	Vấn đáp	Đỗ Ngọc Cường Nguyễn Thị H. Trang	2	CTK35
7	CT2309	Chuyên đề 1	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Trần Tuấn Minh	2	CTK35
8	CT2310	Chuyên đề 2	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Thái Duy Quý	2	CTK35
9	CT2311	Trình biên dịch	3	3	0		3	30%	Tự luận	Mời giảng	2	CTK35
10	CT1312	Kiểm thử phần mềm	3	2	1		3	40%	Vấn đáp	Nguyễn Thị H. Trang	2	CTK35
Tổng Cộng			15/30	21	9	0	15/30					

Sinh viên phải chọn 15TC tự chọn trong 24 TC tự chọn đã nêu

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014



PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TS. Lê Hồng Phong

TRƯỞNG KHOA CNTT

ThS. Trần Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

LỚP : Đại học CNTT K37LT (Năm 2) – Hệ ĐT : CHÍNH QUI

HOC KỲ 1 (CTK37LT)

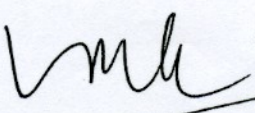
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ		% KT	HT THI	TÊN GIẢNG VIÊN	HỌC GHÉP		
				LT	TH	BB	TC				HK	LỚP	
A. Ngành Mạng và truyền thông													
Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp													
1	CT2130	Thực tập nghề nghiệp	4		4	4			B Cáo	Khoa CNTT	1	CTK3	
2	CT2199	Khóa luận tốt nghiệp	10		10		10		B Cáo	Khoa CNTT	1	CTK3	
Tổng Cộng			14/14	0	14	4	10						
Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp													
1	CT2130	Thực tập nghề nghiệp	4		4	4			B Cáo	Khoa CNTT	1	CTK3	
2	CT2198	Đồ án chuyên ngành	5		5		5		B Cáo	Khoa CNTT	1	CTK3	
3	CT2191	Chuyên đề Mạng và truyền thông	5	5			5	40%	Thi máy	Đặng Thanh Hải Trần Thông	1	CTK3	
Tổng Cộng			14/14	5	9	4	10						
B. Ngành Kỹ thuật phần mềm													
Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp													
1	CT2130	Thực tập nghề nghiệp	4		4	4			B Cáo	Khoa CNTT	1	CTK3	
2	CT2199	Khóa luận tốt nghiệp	10		10		10		B Cáo	Khoa CNTT	1	CTK3	
Tổng Cộng			14/14	0	14	4	10						
Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp													
1	CT2130	Thực tập nghề nghiệp	4		4	4			B Cáo	Khoa CNTT	1	CTK3	
2	CT2198	Đồ án chuyên ngành	5		5		5		B Cáo	Khoa CNTT	1	CTK3	
3	CT2192	Chuyên đề Kỹ thuật phần mềm	5	5			5	40%	Vấn đáp	Nguyễn Minh Hiệp Nguyễn T. M. Huyền	1	CTK3	
Tổng Cộng			14/14	5	9	4	10						

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2014

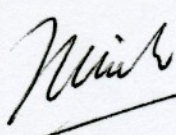
HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO


TS. Lê Hồng Phong

TRƯỞNG KHOA CNTT


ThS. Trần Tuấn Minh